Signature Not Verified
Được ký bởi LÊ PHƯƠNG MAI
Ngày ký: 21.03.2017 11:38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

MỤC LỤC **Trang**

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc 1 - 3

Báo cáo kiểm toán độc lập 4

Báo cáo tài chính

- Bảng cân đối kế toán 5 - 6
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 7
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 8
- Thuyết minh Báo cáo tài chính 9 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2015 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại: (84) 38305002
- Fax: (84) 38350983
- Website: www.sachhoctro.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến ngày 31/12/2016 là 82 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 20 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Phạm Văn Hồng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 15/07/2015
• Ông Xà Thiệu Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
• Bà Lê Phương Mai	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
• Ông Nguyễn Minh Khang	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
• Bà Hoàng Minh Tâm	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012

Ban Kiểm soát

• Bà Đặng Thanh Trúc	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
• Bà Nguyễn Thị Chanh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012
• Ông Lê Xuân Huy	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 06/04/2012

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Xà Thiệu Hoàng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15/12/2014
• Bà Mai Ngọc Liên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2012
• Bà Ngô Trần Nha Thy	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2012
• Bà Lê Phương Mai	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 17/05/2007

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM

Xà Thiệu Hoàng
Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.236.3655886; Fax: 84.236.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 314/2017/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 17/03/2017, từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1

Đỗ Thị Thanh Vân – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1483-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B 01 – DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**217.862.425.902**	**177.388.957.253**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**61.569.740.585**	**32.711.841.058**
1. Tiền	111		6.444.195.516	16.505.498.045
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.125.545.069	16.206.343.013
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**30.443.820.313**	**37.865.127.901**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	28.112.114.079	37.549.700.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.145.066.168	924.850.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	683.348.854	585.806.656
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.496.708.788)	(1.195.229.632)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**123.757.276.891**	**93.890.216.803**
1. Hàng tồn kho	141		125.061.177.086	94.084.000.719
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.303.900.195)	(193.783.916)
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.091.588.113**	**12.921.771.491**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	2.091.588.113	12.554.235.453
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	367.536.038
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**54.210.896.524**	**63.550.866.697**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**22.353.118.698**	**26.450.818.698**
1. Phải thu dài hạn khác	216	8b	22.353.118.698	26.450.818.698
2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	**220**		**7.215.877.826**	**5.106.227.743**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	7.215.877.826	5.106.227.743
- Nguyên giá	222		14.458.443.239	9.669.338.918
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(7.242.565.413)	(4.563.111.175)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	**230**		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**13**	**24.544.300.000**	**31.310.390.256**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	38.108.680.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.544.300.000	770.000.000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	(7.568.289.744)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**97.600.000**	**683.430.000**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	97.600.000	683.430.000
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**272.073.322.426**	**240.939.823.950**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**101.934.079.128**	**84.085.318.115**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**101.934.079.128**	**84.085.318.115**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	20.889.175.600	28.269.763.291
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	1.238.547.148	2.069.046.886
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	2.228.371.327	1.390.285.946
4. Phải trả người lao động	314		5.202.048.311	1.750.595.907
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	318.150.504	85.945.427
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	16.400.908.959	16.304.421.284
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	46.791.962.760	25.407.157.043
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8.864.914.519	8.808.102.331
II. Nợ dài hạn	**330**		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**170.139.243.298**	**156.854.505.835**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**170.139.243.298**	**156.854.505.835**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	100.000.000.000	100.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*100.000.000.000*	*100.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	(71.500.000)	(71.500.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	68.324.290.815	55.039.553.352
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	20	1.886.452.483	1.886.452.483
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	**430**		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**272.073.322.426**	**240.939.823.950**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xà Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Phạm Lan Anh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
1.	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	21	511.786.677.657	479.319.068.857
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	4.425.637.008	3.244.174.996
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		507.361.040.649	476.074.893.861
4.	Giá vốn hàng bán	11	23	386.831.931.018	372.694.813.444
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ**	**20**		**120.529.109.631**	**103.380.080.417**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	4.393.019.131	1.702.751.498
7.	Chi phí tài chính	22	25	(2.558.696.282)	12.957.059.921
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*2.429.586.877*	*1.937.061.852*
8.	Chi phí bán hàng	25	26a	47.494.697.765	30.100.100.883
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26b	35.879.774.501	23.373.880.337
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**44.106.352.778**	**38.651.790.774**
11.	Thu nhập khác	31	27	381.818.182	32.792.706
12.	Chi phí khác	32		-	-
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**381.818.182**	**32.792.706**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**44.488.170.960**	**38.684.583.480**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	10.035.538.649	8.901.215.242
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế TNDN**	**60**		**34.452.632.311**	**29.783.368.238**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.928	2.755
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	29	2.928	2.755

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xa Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Phạm Lan Anh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01		514.836.523.874	464.500.088.272
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02		(469.110.807.231)	(408.913.753.668)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(21.905.521.637)	(18.407.544.654)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(2.469.687.176)	(1.851.116.425)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	16	(9.747.849.266)	(9.623.198.281)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		15.274.655.124	7.029.812.331
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(16.624.558.300)	(11.173.874.132)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**		**10.252.755.388**	**21.560.413.443**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	12	(5.736.771.182)	(1.813.124.898)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		381.818.182	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(23.774.300.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		40.837.716.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	24	1.511.875.422	1.636.624.144
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**		**13.220.338.422**	**(176.500.754)**
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	19.983.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	19	253.602.053.627	138.166.257.836
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(232.217.247.910)	(146.783.406.616)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(16.000.000.000)	(12.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**		**5.384.805.717**	**(633.648.780)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**		**28.857.899.527**	**20.750.263.909**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**		32.711.841.058	11.961.577.149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**		**61.569.740.585**	**32.711.841.058**

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xà Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Phạm Lan Anh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo TT số 200/2014/TT BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4103006644 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp (từ khi thành lập đến nay Công ty đã 5 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần thay đổi gần nhất vào ngày 23/11/2015 và mã số doanh nghiệp hiện nay là 0304952106), hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý phát hành sách báo, tạp chí có nội dung được phép lưu hành. Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế đồ họa; Thiết kế tạo mẫu (trừ thiết kế công trình xây dựng);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch thuật;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, thiết bị dạy học;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Mua bán thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục. Chi tiết: Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách. Tư vấn du học;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính). Chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản). Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- In ấn. Chi tiết: In bao bì (không hoạt động tại trụ sở). Sản xuất văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- *Dịch vụ liên quan đến in. Chi tiết: Dịch vụ in ấn: đóng bìa, gáy sách, mạ nhũ, mạ vàng, nhuộm màu bìa sách;*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty liên kết là một doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách và hoạt động của công ty liên kết nhưng không phải kiểm soát hoặc đồng kiểm soát các chính sách này. Mối quan hệ là công ty liên kết thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối niên độ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được xác định căn cứ vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Công ty thực hiện khấu hao nhanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

gấp hai lần đối với các tài sản cố định là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải và thiết bị dụng cụ quản lý. Cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5
Máy móc, thiết bị	2,5
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Căn cứ vào tính chất và mức độ của chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.8 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản vay được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.11 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.12 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc niên độ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.15 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.17 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gởi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.18 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế GTGT:
  + Sách giáo khoa, sách tham khảo bổ trợ cho sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế;
  + Sách tham khảo không bổ trợ cho sách giáo khoa: áp dụng thuế suất 5%;
  + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
  + Các hoạt động khác: Áp dụng thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế là 20%.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2016	01/01/2016
Tiền mặt	410.392.208	551.382.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.033.803.308	15.954.115.330
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	55.125.545.069	16.206.343.013
Cộng	**61.569.740.585**	**32.711.841.058**

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Phát hành sách Thành phố Hồ Chí Minh	5.700.205.248	1.672.557.462
Các đối tượng khác	22.411.908.831	35.877.143.415
Cộng	**28.112.114.079**	**37.549.700.877**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư	758.466.165	1.191.201.735
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	-	548.285
Công ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư	17.133.560	68.532.359
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Thành Phố Cần Thơ	Chung công ty đầu tư	30.404.499	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư	217.024.404	-
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư	1.846.952	548.285
Công ty CP Sách- TBTH Tiền Giang	Chung công ty đầu tư	-	682.072.450
Công ty CP Sách - Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	119.108.800	
Công ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Chung công ty đầu tư	-	229.821.727
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Công ty liên kết	102.947.143	208.685.839
Công ty CP Sách và Thiết Bị Trường Học TP. HCM	Chung công ty đầu tư	464.974.887	-
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư	-	-
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư	-	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư	91.284.862	4.642.200
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư	193.335.713	12.747.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	448.985.859	115.467.482
Nhà xuất bản giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư	-	123.539.000
Nhà xuất bản giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư	83.470.000	71.782.500
Công ty CP Sách và Thiết bị GD Bình Dương	Chung công ty đầu tư	-	1.349.813.963
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Tp. Hà Nội	Chung công ty đầu tư	16.004.000	72.429.000
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Chung công ty đầu tư	3.289.501	-

7. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo dục Việt Nam	-	782.500.000
Công ty TNHH ô tô Toyotsu Samco	-	109.350.000
Nhà máy in Bộ Tổng tham mưu	2.882.750.540	-
Phải trả cho các đối tượng khác	262.315.628	33.000.000
Cộng	**3.145.066.168**	**924.850.000**

8. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về thuế TNCN của NLĐ	531.241.145	-	585.806.656	-
Lãi dự thu	152.107.709	-	-	-
Cộng	**683.348.854**	**-**	**585.806.656**	**-**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	4.100.000.000
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	22.222.369.898	22.222.369.898
Ký quỹ, ký cược dài hạn	130.748.800	128.448.800
Cộng	**22.353.118.698**	**26.450.818.698**

(*) Là khoản góp vốn với Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam) để xây dựng Cao ốc văn phòng tại 104 Mai Thị Lựu, Phường Đakao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh ba bên số 108HĐ/2011 ngày 01/04/2011 và các phụ lục điều chỉnh. Tổng số vốn góp là 50 tỷ đồng, trong đó Công ty góp 22,5 tỷ đồng. Ngày 01/07/2014, các bên đã thống nhất ký Phụ lục hợp đồng số 01 giao cho Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam thực hiện dự án thay thế cho chủ thể cũ là Nhà xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh. Đến nay, đã có báo cáo kiểm toán dự án hoàn thành với tổng giá trị quyết toán công trình 49.383.044.219 đồng, trong đó giá trị góp của Công ty là 22.222.369.898 đồng (tương ứng tỷ lệ 45%).

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2016	01/01/2016
Dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán:		
- Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	476.583.514	11.408.131
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	210.864.311	376.364.826
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	-	108.490.159
- Từ 3 năm trở lên	809.260.963	698.966.516
Cộng	**1.496.708.788**	**1.195.229.632**

10. Hàng tồn kho

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	34.382.131.069	-	29.486.247.676	-
Chi phí SX, KD dở dang	14.478.225.965	-	17.991.115.675	-
Thành phẩm	35.249.346.464	1.303.900.195	33.114.953.084	193.783.916
Hàng hóa	40.951.473.588	-	13.491.684.284	-
Cộng	**125.061.177.086**	**1.303.900.195**	**94.084.000.719**	**193.783.916**

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại 31/12/2016 là 1.880.027.209 đồng.

Không có hàng tồn kho dùng để cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ vay tại thời điểm 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	1.280.626.227	4.809.388.389
Chi phí tổ chức bản thảo, lệ phí xuất bản sách bổ trợ	810.961.886	7.744.847.064
Cộng	**2.091.588.113**	**12.554.235.453**

b. Dài hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Chi phí tổ chức bản thảo	97.600.000	683.430.000
Cộng	**97.600.000**	**683.430.000**

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4.255.140.198	647.275.200	4.486.387.211	280.536.309	9.669.338.918
Mua sắm trong năm	-	-	5.736.771.182	-	5.736.771.182
T/lý, nhượng bán	-	-	947.666.861	-	947.666.861
Số cuối năm	**4.255.140.198**	**647.275.200**	**9.275.491.532**	**280.536.309**	**14.458.443.239**
Khấu hao					
Số đầu năm	1.129.755.172	345.213.440	2.807.606.254	280.536.309	4.563.111.175
Khấu hao trong năm	851.028.038	258.910.080	2.517.182.981	-	3.627.121.099
T/lý, nhượng bán	-	-	947.666.861	-	947.666.861
Số cuối năm	**1.980.783.210**	**604.123.520**	**4.377.122.374**	**280.536.309**	**7.242.565.413**
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.125.385.026	302.061.760	1.678.780.957	-	5.106.227.743
Số cuối năm	**2.274.356.988**	**43.151.680**	**4.898.369.158**	**-**	**7.215.877.826**

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.571.238.927 đồng.

Không có tài sản cố định dùng để cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. Đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2016				01/01/2016	
	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Cty liên doanh, liên kết							
- Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 (44,2% VĐL) (*)				-	-	38.108.680.000	7.568.289.744
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (**)							
- Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Đang hoạt động	7,50%	7,50%	770.000.000	-	770.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Xuất bản - Thiết bị giáo dục Việt Nam	Đang hoạt động	11,04%	11,04%	12.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Đang hoạt động	11,39%	11,39%	11.774.300.000	-	-	-
Cộng				**24.544.300.000**	**-**	**38.878.680.000**	**7.568.289.744**

(*) Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 07/03/2016, Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Phương Nam đã chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần nắm giữ trong Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2 (tương ứng 1.512.508 cổ phần chiếm tỷ lệ 44,2% vốn điều lệ) cho Công ty TNHH Đầu tư Bất Động Sản Bến Thành. Giá chuyển nhượng một cổ phần là 27.000 đồng tương ứng tổng giá trị chuyển nhượng là 40.837.716.000 đồng.

(**) Cổ phiếu của các Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định, Công ty CP Đầu tư Xuất bản – Thiết bị giáo dục Việt Nam, Công ty Đầu tư Tài chính Giáo dục hiện không niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán. Ngoài ra, kết quả kinh doanh năm 2016 của các công ty này có lãi và không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm ngày 31/12/2016. Do đó, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Tp. Hồ Chí Minh	5.479.425.898	10.536.264.226
Công ty CP Giấy Phùng Vĩnh Hưng	470.099.276	9.628.493.349
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	3.549.233.988	-
Nhà xuất bản Oxford	2.863.297.386	2.174.595.823
Phải trả cho các đối tượng khác	8.527.119.052	5.930.409.893
Cộng	**20.889.175.600**	**28.269.763.291**

Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2016	01/01/2016
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam tại TP.HCM	Chung công ty đầu tư	5.479.425.898	10.536.264.226
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư	157.050.000	1.874.616.144
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà nội	Công ty đầu tư	1.383.721.448	792.392.339
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty đầu tư	3.549.233.988	-
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư	201.041.791	13.410.973
Cộng		**10.770.473.125**	**13.216.683.682**

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Công ty CP Sách - Thiết Bị Trường Học Đồng Nai	-	801.630.852
Công ty CP Sách - Thiết Bị Trường Học Bà Rịa - Vũng Tàu	672.742.027	462.917.710
Phòng Giáo dục và Đào tạo Bình Đại - Bến Tre	-	216.768.394
Thầy Châu Chí Quang - SGD Trà Vinh	191.078.937	-
Cửa hàng 231 Nguyễn Văn Cừ	-	320.429.657
Đối tượng khác	374.726.184	267.300.273
Cộng	**1.238.547.148**	**2.069.046.886**

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	-	353.724.843	329.454.482	24.270.361
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	513.629.312	10.035.538.649	9.937.448.307	611.719.654
Thuế Thu nhập cá nhân	876.656.634	3.399.167.764	2.683.443.086	1.592.381.312
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	**1.390.285.946**	**13.791.431.256**	**12.953.345.875**	**2.228.371.327**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2016	01/01/2016
Lệ phí xuất bản	272.305.376	-
Chi phí lãi vay	45.845.128	85.945.427
Cộng	**318.150.504**	**85.945.427**

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2016	01/01/2016
Kinh phí công đoàn	250.153.759	244.421.284
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	150.000.000	60.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	16.000.000.000	16.000.000.000
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	755.200	-
Cộng	**16.400.908.959**	**16.304.421.284**

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm
Vay ngắn hạn	25.407.157.043	253.602.053.627	232.217.247.910	46.791.962.760
Ngân hàng HSBC	*19.407.157.043*	*160.314.700.764*	*152.009.729.344*	*27.712.128.463*
Ngân hàng Viettinbank	-	*15.818.987.188*	*6.550.527.923*	*9.268.459.265*
Ngân hàng Standard Chartered	*6.000.000.000*	*59.138.483.801*	*55.327.108.769*	*9.811.375.032*
Ngân hàng VCB	-	*18.329.881.874*	*18.329.881.874*	-
Cộng	**25.407.157.043**	**253.602.053.627**	**232.217.247.910**	**46.791.962.760**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2015	**80.000.000.000**	**-**	**42.504.399.588**	**1.886.452.483**	**3.219.290.762**
Tăng trong năm	20.000.000.000	-	12.535.153.764	-	29.783.368.238
Giảm trong năm	-	71.500.000	-	-	33.002.659.000
Số dư tại 31/12/2015	**100.000.000.000**	**(71.500.000)**	**55.039.553.352**	**1.886.452.483**	**-**
Số dư tại 01/01/2016	**100.000.000.000**	**(71.500.000)**	**55.039.553.352**	**1.886.452.483**	**-**
Tăng trong năm	-	-	13.284.737.463	-	34.452.632.311
Giảm trong năm	-	-	-	-	34.452.632.311
Số dư tại 31/12/2016	**100.000.000.000**	**(71.500.000)**	**68.324.290.815**	**1.886.452.483**	**-**

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2016	01/01/2016
Các cổ đông		
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	43.390.000.000	43.390.000.000
Các cổ đông khác	56.610.000.000	56.610.000.000
Cộng	**100.000.000.000**	**100.000.000.000**

c. Cổ phiếu

	31/12/2016 Cổ phiếu	01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*10.000.000*	*10.000.000*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	*10.000.000*	*10.000.000*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	-	3.219.290.762
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	34.452.632.311	29.783.368.238
Phân phối lợi nhuận	34.452.632.311	33.002.659.000
Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	3.219.290.762
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	*3.219.290.762*
Phân phối lợi nhuận kỳ này	34.452.632.311	29.783.368.238
- Trích quỹ đầu tư phát triển	*13.284.737.463*	*9.315.863.002*
- Trích khen thưởng phúc lợi	*3.445.263.232*	-
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	*1.722.631.616*	*4.467.505.236*
- Chia cổ tức cho cổ đông	*16.000.000.000*	*16.000.000.000*
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	-

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Nghị quyết số 451/NQ ngày 10/12/2015 của Hội đồng quản trị, Nghị quyết số 490/NQ-ĐHCĐ ngày 31/12/2015 và được phê duyệt theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 87/NQ-ĐHCĐ ngày 30/03/2016.

Công ty tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 theo Nghị quyết số 475/NQ ngày 20/12/2016 của Hội đồng Quản trị.

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu sách giáo khoa	9.107.962.633	12.957.171.026
Doanh thu sách bổ trợ	247.611.316.870	230.593.797.586
Doanh thu sách tham khảo	203.849.672.559	144.251.973.616
Doanh thu thiết bị giáo dục	2.944.907.626	3.881.232.170
Doanh thu khác (bán giấy)	46.382.817.969	87.634.894.459
Doanh thu từ hoạt động liên doanh	1.890.000.000	-
Cộng	**511.786.677.657**	**479.319.068.857**

22. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2016	Năm 2015
Hàng bán bị trả lại	4.425.637.008	3.009.762.220
Chiết khấu thương mại	-	234.412.776
Cộng	**4.425.637.008**	**3.244.174.996**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

23. Giá vốn hàng bán

	Năm 2016	Năm 2015
Giá vốn sách giáo khoa	8.912.610.464	12.067.400.729
Giá vốn sách bổ trợ	180.678.996.168	166.073.377.166
Giá vốn sách tham khảo	149.020.781.893	105.751.709.153
Giá vốn thiết bị giáo dục	2.042.941.875	3.374.220.582
Giá vốn sản phẩm khác	44.124.479.545	85.340.109.251
Giá vốn hoạt động liên doanh	942.004.794	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.110.116.279	87.996.563
Cộng	**386.831.931.018**	**372.694.813.444**

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.571.583.131	341.917.657
Cổ tức, lợi nhuận được chia	92.400.000	1.294.706.487
Thu nhập bán cổ phiếu Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	2.729.036.000	-
Chiết khấu thanh toán	-	66.127.354
Cộng	**4.393.019.131**	**1.702.751.498**

25. Chi phí tài chính

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí lãi vay	2.429.586.877	1.937.061.852
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.568.232.285	3.451.708.325
Phí quyền sở hữu chứng khoán	11.774.300	-
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(7.568.289.744)	7.568.289.744
Cộng	**(2.558.696.282)**	**12.957.059.921**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

26. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí vận chuyển	4.294.191.998	2.912.004.713
Tiền lương	15.229.344.324	10.642.654.719
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.353.814.200	1.043.725.685
Chi phí hoa hồng	6.977.073.254	3.456.390.483
Chi phí tập huấn	4.202.516.193	2.803.047.164
Các khoản khác	15.437.757.796	9.242.278.119
Cộng	**47.494.697.765**	**30.100.100.883**

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2016	Năm 2015
Tiền lương	11.132.419.480	7.706.315.488
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.273.306.899	758.865.583
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.135.784.777	10.301.640.121
Các khoản khác	12.338.263.345	4.607.059.145
Cộng	**35.879.774.501**	**23.373.880.337**

27. Thu nhập khác

	Năm 2016	Năm 2015
Thanh lý phế liệu	-	4.090.909
Thanh lý xe Toyota	381.818.182	-
Nhận tiền hỗ trợ bán hàng	-	28.701.797
Cộng	**381.818.182**	**32.792.706**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016	Năm 2015
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	44.488.170.960	38.684.583.480
- Lợi nhuận từ hoạt động SXKD chính	*43.540.175.754*	*38.684.583.480*
- Lợi nhuận từ hoạt động liên doanh	*947.995.206*	-
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(2.481.493.783)	1.775.485.800
Điều chỉnh tăng	2.175.392.422	3.070.192.287
- Chi phí không hợp lệ	*1.279.527.272*	*3.070.192.287*
- Chi phí khấu hao xe vượt quá 1,6 tỷ	*475.259.098*	-
- Chi phí phạt thuế	*420.606.052*	-
Điều chỉnh giảm	4.656.886.205	1.294.706.487
- Cổ tức lợi nhuận được chia	*92.400.000*	*1.294.706.487*
- Giảm thu nhập do CQ thuế đã tính thuế TNDN năm trước	*4.564.486.205*	-
Tổng thu nhập chịu thuế	42.006.677.177	1.775.485.800
- Từ hoạt động SXKD chính	*41.058.681.971*	*40.460.069.280*
- Từ hoạt động liên doanh	*947.995.206*	-
Thuế TNDN từ hoạt động SXKD chính	8.211.736.394	8.901.215.242
Thuế TNDN từ hoạt động liên doanh	189.599.041	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**10.035.538.649**	**8.901.215.242**
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	*8.401.335.435*	*8.901.215.242*
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này (*)	*1.634.203.214*	-

(*) Theo Biên bản thanh tra thuế của Cục Thuế Thành phố Hồ Chí Minh ngày 18/03/2016

29. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.452.632.311	29.783.368.238
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(5.167.894.848)	(4.467.505.236)
- Điều chỉnh tăng	-	
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	5.167.894.848	4.467.505.236
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.284.737.463	25.315.863.002
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	10.000.000	9.189.041
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	**2.928**	**2.755**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016	Năm 2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	207.633.718.662	151.408.407.338
Chi phí nhân công	26.361.763.804	19.190.169.796
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.627.121.099	1.802.591.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.193.604.112	137.333.588.828
Chi phí khác bằng tiền	25.875.190.276	20.740.350.077
Cộng	**377.691.397.953**	**330.475.107.307**

31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các lĩnh vực kinh doanh cũng như các môi trường kinh tế cụ thể theo khu vực địa lý không có sự khác biệt trong việc gánh chịu rủi ro và lợi ích kinh tế. Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh sách - thiết bị trường học và một bộ phận địa lý chính là Việt Nam.

32. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro về vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có biến động lớn về lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu phát sinh từ các khoản vay đã kí kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Công ty chủ yếu vay vốn ngắn hạn với lãi suất cố định. Do đó, rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Quản lý rủi ro về giá

Nhà cung cấp chính của Công ty đều thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam. Hơn nữa, các mặt hàng thuộc lĩnh vực giáo dục thường có giá cả ổn định, ít biến động nên Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro do biến động giá của Công ty ở mức thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty phần lớn là các công ty trong hệ thống Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Đây là các khách hàng truyền thống, thanh toán tiền hàng kịp thời, do đó Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhàn rỗi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và các đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,…

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	20.889.175.600	-	20.889.175.600
Chi phí phải trả	318.150.504	-	318.150.504
Vay và nợ thuê tài chính	46.791.962.760	-	46.791.962.760
Phải trả khác	16.150.000.000	-	16.150.000.000
Cộng	**84.149.288.864**	**-**	**84.149.288.864**

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	28.269.763.291	-	28.269.763.291
Chi phí phải trả	85.945.427	-	85.945.427
Vay và nợ thuê tài chính	25.407.157.043	-	25.407.157.043
Phải trả khác	16.060.000.000	-	16.060.000.000
Cộng	**69.822.865.761**	**-**	**69.822.865.761**

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản. Do đó, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có khả năng thanh toán các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31/12/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	61.569.740.585	-	61.569.740.585
Đầu tư tài chính	-	24.544.300.000	24.544.300.000
Phải thu khách hàng	26.615.405.291	-	26.615.405.291
Phải thu khác	152.107.709	22.353.118.698	22.505.226.407
Cộng	**88.337.253.585**	**46.897.418.698**	**135.234.672.283**

01/01/2016	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	32.711.841.058	-	32.711.841.058
Đầu tư tài chính	-	770.000.000	770.000.000
Phải thu khách hàng	36.354.471.245	-	36.354.471.245
Phải thu khác	-	26.450.818.698	26.450.818.698
Cộng	**69.066.312.303**	**27.220.818.698**	**96.287.131.001**

33. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (Sau đây gọi tắt là "Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam")	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam tại Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP SGD tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Công ty liên kết
Công ty CP In SGK tại Thành phố Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan phát sinh trong năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	Giao dịch	Năm 2016	Năm 2015
Bán hàng			
Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	Cung ứng lịch, STK	886.990.453	840.530.398
Công ty CP Sách - Thiết Bị Bến Tre	Cung ứng lịch, STK	5.429.524.478	5.624.418.238
Công Ty CP Sách & Thiết Bị Bình Thuận	Cung ứng lịch, STK	11.223.396.679	8.911.149.407
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại Thành Phố Cần Thơ	Cung ứng lịch, STK	12.179.488.103	8.201.736.379
Công Ty CP Sách - TB Trường Học Tp. HCM	Cung ứng lịch, STK	45.348.155.644	43.380.899.876
Công ty CP Sách - Thiết bị trường học Long An	Cung ứng lịch, STK	12.577.411.035	11.015.201.185
Công ty CP Sách - TB Trường Học Tiền Giang	Cung ứng lịch, STK	16.092.583.702	10.999.793.737
Công Ty CP Sách - Thiết Bị Vĩnh Long	Cung ứng lịch, STK	5.749.819.690	5.052.836.559
Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	711.225.136	3.667.264.423
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	3.007.130.075	10.334.770.492
Công ty CP Đầu Tư và Xuất Bản Giáo Dục	Cung ứng lịch, STK	-	263.807.500
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	Cung ứng lịch, STK	223.394.291	123.420.310
Công ty CP DV Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Cung ứng lịch, STK	641.689.227	1.155.583.909
Công Ty Cổ Phần Học liệu	Cung ứng lịch, STK	2.536.330.753	2.746.940.929
Công Ty CP Sách và Thiết Bị GD Miền Nam	Cung ứng lịch, STK	3.114.520.783	3.210.375.532
Công ty Cổ Phần Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	Cung ứng lịch, STK	-	997.500
CN tại Tp. HCM- Công Ty CP Sách Dân Tộc	Cung ứng lịch, STK	50.976.817	175.964.250
Công ty CP Sách Giáo Dục tại Tp.HCM	Cung ứng lịch, STK	3.778.967.885	7.261.355.513
Công Ty CP Sách - Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Cung ứng lịch, STK	5.679.018.566	3.898.002.596
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Cung ứng lịch, STK	3.398.574.650	6.232.580.894
Công ty CP Sách & TBGD Miền Bắc	Cung ứng lịch, STK	119.108.800	22.025.250
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Cung ứng lịch, STK	18.106.033.804	12.811.553.947
Mua hàng			
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Chi phí tổ chức bản thảo	55.073.244.248	28.920.836.915
Công ty CP DVXB GD Hà Nội	Mua SGK, STK	6.288.656.485	7.910.787.465
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua SGK, STK	9.527.859.038	12.602.747.972
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua SGK, STK	10.334.108.251	9.740.404.681
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Mua SGK, STK	-	122.939.762
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Mua SGK, STK	5.450.826.740	5.905.887.084
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	Mua giấy, tem	-	9.112.000
Công ty CP DVXB GD Gia Định	Chi phí tổ chức bản thảo	18.693.541.341	9.221.452.200
Công ty CP Học liệu	Mua đĩa CD, sách, VPP	11.309.229.123	4.816.207.720
Công ty CP ĐT & PTGD Đà Nẵng	Mua sách bổ trợ, STK	603.412.120	2.149.419.912
Công ty CP ĐT & PTGD Hà Nội	Chi phí tổ chức bản thảo	16.561.589.928	2.492.665.681
	Mua sách tham khảo	23.573.671.456	38.095.373.472
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Phí xuất bản	25.577.470.546	29.249.212.057
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Mua SGK, STK	-	27.392.300
Công ty CP Sách Dân Tộc	Mua SGK, STK	-	6.108.000
Công ty CP Bản đồ - Tranh ảnh Giáo Dục	Mua SGK, STK	12.240.000	43.560.000
Công ty CP Sách Và TB Trường Học Tiền Giang	Mua SGK, STK	11.602.500	1.293.357.800
Công Ty CP Sách và TB Trường Học TP. HCM	Mua SGK, STK	6.172.513.485	166.100.480
Thu nhập của HĐQT và Ban Tổng giám đốc	Tiền lương của BTGĐ	2.386.212.000	1.661.538.000
	Tiền thưởng của HĐQT	361.111.110	257.611.110
	Tiền thù lao của HĐQT	432.000.000	1.056.222.217

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính

35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập
Xa Thiệu Hoàng	Lê Phương Mai	Phạm Lan Anh

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2017